



SAMCO ALLERGO SI
(29 GHẾ NGỒI, 01 CỬA LÊN XUỐNG)
POWERED BY ISUZU EURO IV

Đồng hành và chia sẻ



Linh hoạt trên mọi nẻo đường
EURO4

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GTVT SÀI GÒN - TNHH MTV (SAMCO)
XÍ NGHIỆP CƠ KHÍ Ô TÔ AN LẠC (SAMCO AN LẠC)

36 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc A, Quận Bình Tân, TP.HCM
ĐT: (028) 38.752.033 - Fax: (028) 37.512.726 - www.samcobus.com.vn
Email: samcoanlac@samco.com.vn

ĐẠI LÝ:



KHOANG HÀNH KHÁCH

Nội thất sang trọng kết hợp hệ thống đèn trần hiện đại, thẩm mỹ. Ghế ngồi êm ái cùng kiểu dáng và màu sắc trang nhã.

TAPLO

Thiết kế khoa học với hệ thống đồng hồ và công tắc bố trí hợp lý.



KHOANG LÁI

Tiện nghi, rộng rãi, ghế tài xế êm ái tạo cảm giác thoải mái.



CỬA LÊN XUỐNG



TIVI (OPTION)



CỬA GIÓ KẾT HỢP ĐÈN



BAGA HÀNH LÝ RỘNG RÃI



KHUNG GÀM ISUZU NPR

Lắp ráp CKD - xuất xứ Nhật Bản.

ĐỘNG CƠ 4JJ1E4NC

Vận hành mạnh mẽ, tiêu chuẩn khí thải Euro IV tiết kiệm nhiên liệu, thân thiện với môi trường.



DENSO DJP-S1

MÁY LẠNH

Máy lạnh Denso thương hiệu Nhật Bản.



CỤM ĐÈN LÁI SAU



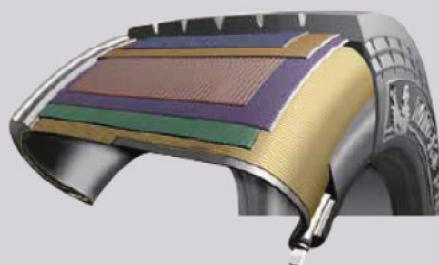
CHỤP MÂM XE HIỆN ĐẠI



CỤM ĐÈN PHA-CÓT

SAMCO ALLERGO SI

Samco Allergo Si 29 chỗ là sản phẩm xe khách ghế ngồi với kiểu dáng mạnh mẽ, động cơ Isuzu bền bỉ, vận hành êm ái. Phù hợp cho các hoạt động kinh doanh du lịch, tuyến ngắn.



LỚP XE MICHELIN

Hiệu suất tốt hơn so với bố nylon, độ bám ổn định bảo đảm cho sự an toàn, chi phí hoạt động thấp nhờ tăng tuổi thọ của lốp.



PHỤ TÙNG

Cung cấp phụ tùng chính hãng.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT (TECHNICAL SPECIFICATIONS)

XE KHÁCH SAMCO ALLERGO SI (29 ghế - 01 cửa)

KÍCH THƯỚC (mm)	DIMENSION (mm)
Kích thước tổng thể (DxRxL) Overall dimension (LxWxR)	7770 x 2140 x 3020
Chiều dài cơ sở Wheel base	3845
Bán kính vòng quay nhỏ nhất Minimum turning radius	7060
TRỌNG LƯỢNG (kg)	WEIGHT (kg)
Trọng lượng không tải Kerb weight	5100
Trọng lượng toàn bộ Gross weight	7100
Số chỗ Seats (Include driver)	29 chỗ ngồi (kể cả ghế tài xế) 29 seats (Include driver) .
Cửa lên xuống Door	01 cửa, đóng mở tự động bằng điện 01 door opens automatically by electrical .
Kiểu Style	Kiểu cửa đôi, loại 02 cánh mở vào trong Double door; 02 door leafs open in inside .
XE NỀN	CHASSIS ISUZU NPR
ĐỘNG CƠ	ENGINE ISUZU Euro IV
Kiểu Model	4JJ1E4NC
Loại Type	Diesel, 4 kỳ, 4 xy-lanh thẳng hàng, làm mát bằng nước, tăng áp.
Dung tích Xy-lanh Displacement (cc)	Diesel, 4 Stroke cycle, 4 Cylinder in line, Water cooled, with Turbo.
Tỷ số nén Compression ratio	2999
Đường kính x hành trình piston Bore x stroke (mm)	17,5:1
Công suất tối đa (Kw/vòng/ph) Max Power (Kw/rpm)	95,4 x 104,9
Momen xoắn cực đại (Nm/vòng/ph) Max torque (Nm/rpm)	91/2600
Dung tích thùng nhiên liệu (lít) Fuel tank capacity (liter)	354 /1500
	90
TRUYỀN ĐỘNG	TRANSMISSION
Ly hợp Clutch	1 đĩa ma sát khô; Dẫn động thủy lực, trợ lực chân không
	Dry single plate; Hydraulic operation, Clutch booter.
Loại hộp số Transmission type	MY6S, Cơ khí 6 tiến + 1 lùi 6 forward + 1 reverse
Tỷ số truyền Gear ratio	5,979 - 3,434 - 1,862 - 1,297 - 1,000 - 0,759 - R: 5,701
HỆ THỐNG LÁI	STEERING
Kiểu Type	Trục vít, Ecu-bi, trợ lực thủy lực, điều chỉnh được độ nghiêng và độ cao thấp.
	Ball-nut type with intergal hydraulic power booster, Tilt & Telescopic.
HỆ THỐNG PHANH	BRAKE
Phanh chính Service Brake	Kiểu tang trống, mạch kép thủy lực, trợ lực chân không.
	Drum brake, dual circuit, hydraulic with vacuum servo assistance.
Phanh tay Parking Brake	Kiểu tang trống, dẫn động cơ khí, tác động lên trục thứ cấp hộp số.
	Drum brake, mechanical acting on output shaft.
Phanh phụ Exhaust Brake	Tác động lên ống xả.
	Air actuated operated, butterfly valve type.
HỆ THỐNG TREO	SUSPENSION
Trước/ Sau Front/ Rear	Phụ thuộc, nhíp lá, giảm chấn bằng ống thủy lực hình trụ
	Dependent, semi - elliptic leaf springs with shock absorber.
LỚP XE - Trước/ Sau	TIRE - Front/ Rea
Lốp Michelin 7.50R16	Michelin 7.50R16
HỆ THỐNG ĐIỆN	ELECTRICAL SYSTEM
Điện áp Rated voltage	24V
Ắc-quy Battery	2 x (12V - 100AH)
ĐIỀU HÒA	AIR-CONDITIONER
Hiệu / Kiểu Manufacturer/ Model	Denso/DJP-S1 (14.000 kcal/hr)
CÁC TIỆN NGHI	ACCESSORIES
Thiết bị giải trí Audio and video system	DVD-04 loa, Chụp mâm bánh xe.
	DVD-04 speakers, Cover Wheels.
TRANG BỊ	EQUIPMENNT
Trang thiết bị tiêu chuẩn khác Other standard equipment	Búa sự cố, bình chữa cháy, Tủ y tế.
	Emergency hammer, Fire extinguisher, medicines cabinet.
Lưu ý: Thông số kỹ thuật, trang bị có thể thay đổi mà không cần báo trước	
Thời hạn bảo hành: 12 tháng hoặc 100.000km	
Specifications could be changed without notice	
Warranty period: 12 months or 100.000 kms.	

